

TRƯỜNG
TỔ TỰ NHIÊN

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2024 - 2025

Môn: Toán

Lớp : 7

Thời gian: 90 phút (*Không kể thời gian phát đề*)

A. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 MÔN TOÁN – LỚP 7

[illegible]

3	GÓC VÀ ĐƯỜNG THẲNG	<i>Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc</i>	3 <i>(0,75đ)</i>			1 <i>(1,0đ)</i>					1,75đ 17,5%
		<i>Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song</i>	2 <i>(0,5đ)</i>		4 <i>(1,0đ)</i>						1,5đ 15%
Tổng			16 4,0 đ		8 2,0đ	1 1,0 đ		2 2,0đ		1 1,0đ	28 10đ
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		100
Tỉ lệ chung			70%				30%				100

B. BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 MÔN TOÁN – LỚP 7

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	SỐ HỮU TỈ	<i>Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ</i>	Nhận biết: – Nhận biết được số hữu tỉ và lấy được ví dụ về số hữu tỉ. – Nhận biết được tập hợp các số hữu tỉ. – Nhận biết được số đối của một số hữu tỉ. – Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ.	4 TN			
			Thông hiểu: – Biểu diễn được số hữu tỉ trên trục số.				
			Vận dụng: – So sánh được hai số hữu tỉ.				
		<i>Các phép tính với số hữu tỉ</i>	Thông hiểu – Mô tả được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ và một số tính chất của phép tính đó (tích và thương của hai lũy thừa cùng cơ số, lũy thừa của lũy thừa). – Mô tả được thứ tự thực hiện các phép tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển về trong tập hợp số		4 TN		

			hữu tỉ.				
			Vận dụng – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số hữu tỉ. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số hữu tỉ trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).			1TL	
			Vận dụng cao: – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với các phép tính về số hữu tỉ.				1TL
2	SỐ THỰC	Căn bậc hai số học	Nhận biết: – Nhận biết được khái niệm căn bậc hai số học của một số không âm.	4TN			
			Thông hiểu: Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) căn bậc hai số học của một số nguyên dương bằng máy tính cầm tay				
		Số vô tỉ. Số thực	Nhận biết: – Nhận biết được số thập phân hữu hạn và số thập phân vô hạn tuần hoàn.	3 TN			

			– Nhận biết được số vô tỉ, số thực, tập hợp các số thực. – Nhận biết được trục số thực và biểu diễn được số thực trên trục số trong trường hợp thuận lợi. – Nhận biết được số đối của một số thực. – Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số thực. – Nhận biết được giá trị tuyệt đối của một số thực.				
			Vận dụng: – Thực hiện được ước lượng và làm tròn số căn cứ vào độ chính xác cho trước.			1TL	
3	GÓC VÀ ĐƯỜNG THẲNG	Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc	Nhận biết : – Nhận biết được các góc ở vị trí đặc biệt (hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh). – Nhận biết được tia phân giác của một góc. – Nhận biết được cách vẽ tia phân giác của một góc bằng dụng cụ học tập	3 TN			
			Thông hiểu – Mô tả được một số tính chất của hai đường thẳng song song. – Mô tả được dấu hiệu song song của hai đường thẳng thông qua cặp góc đồng vị, cặp góc so le		1 TL		

			trong.				
			Vận dụng				
			Vận dụng cao				
		Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song	Nhận biết: – Nhận biết được tiên đề Euclid về đường thẳng song song.	2 TN			
			Thông hiểu: – Mô tả được một số tính chất của hai đường thẳng song song. – Mô tả được dấu hiệu song song của hai đường thẳng thông qua cặp góc đồng vị, cặp góc so le trong.		4TN		
Tổng				16	9	2	1
Tỉ lệ %				40%	30%	20%	10%
Tỉ lệ chung				70%		30%	

TRƯỜNG
TỔ TỰ NHIÊN

ĐỀ CHÍNH THỨC

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2024 - 2025

Môn: Toán

Lớp : 7

Thời gian: 54 phút (Không kể thời gian phát đề)
(Đề thi gồm 24 câu, 04 trang)

Phiên bản 1

Họ và tên:.....

<u>Điểm</u>	<u>Lời nhận xét của giáo viên</u>

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (6,0 điểm)

Khoanh tròn đáp án đúng trong các đáp án A, B, C, D của các câu sau:

Câu 1: Tập hợp số hữu tỉ được kí hiệu là

- A. $\mathbb{N}$ B. $\mathbb{N}^*$ C. $\mathbb{Z}$ D. $\mathbb{Q}$

Câu 2: Hãy chọn câu đúng?

- A. $\frac{3}{2} \in \mathbb{Q}$ B. $\frac{5}{2} \in \mathbb{Z}$ C. $\frac{5}{7} \notin \mathbb{Q}$ D. $-7 \in \mathbb{N}$

Câu 3: Số đối của số $-\frac{4}{7}$ là

- A. $\frac{4}{-7}$ B. $\frac{4}{7}$ C. $\frac{-7}{4}$ D. $\frac{7}{4}$

Câu 4: Cách sắp xếp các số hữu tỉ theo thứ tự từ nhỏ đến lớn nào sau đây là đúng?

- A. $0; \frac{1}{2}; -0,5$ B. $-0,5; 0; \frac{1}{2}$ C. $-0,5; \frac{1}{2}; 0$ D. $0; -0,5; \frac{1}{2}$

Câu 5: Trong các số sau, số nào là số vô tỉ?

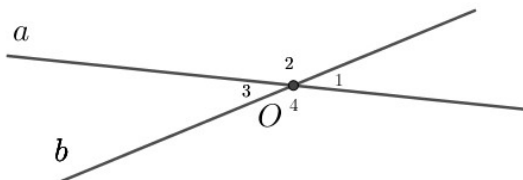
- A. $\frac{1}{4}$ B. $\sqrt{2}$ C. -7 D. $1,5$

Câu 6: Số nào dưới đây biểu diễn số thập phân vô hạn tuần hoàn?

- A. $-1,45$ B. $0,2356\dots$ C. 0 D. $0,(75)$

Câu 7: Cho hình vẽ sau, hai góc đối đỉnh là

- A. $\widehat{O_1}$ và $\widehat{O_2}$ B. $\widehat{O_1}$ và $\widehat{O_3}$ C. $\widehat{O_1}$ và $\widehat{O_4}$ D. $\widehat{O_3}$ và $\widehat{O_4}$



Câu 8: Căn bậc hai số học của một số a không âm, kí hiệu $\sqrt{a}$ là số x không âm sao cho

- A. $x=a$ B. $x=2a$ C. $x^2=a$ D. $x=a^2$

Câu 9: Căn bậc hai số học của 5 là

- A. 5. B. $\sqrt{5}$ C. $\sqrt{-5}$ D. -5

Câu 10: Số $\sqrt{3}$ là

- A. Số tự nhiên B. Số nguyên C. Số hữu tỉ D. Số thực

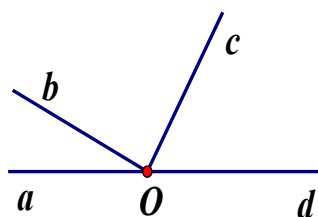
Câu 11: Căn bậc hai số học của 25 là

- A. 5 B. -5 C. ± 5 D. 25

Câu 12: Cách viết nào dưới đây là đúng?

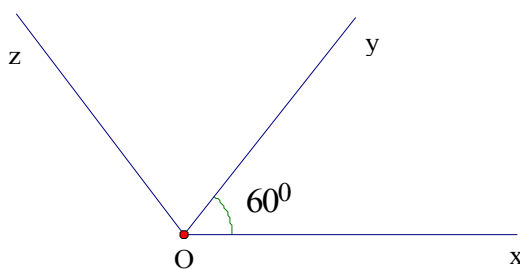
- A. $\left| -\frac{3}{5} \right| = \frac{3}{5}$ B. $\left| \frac{-3}{5} \right| = \frac{-3}{5}$ C. $\left| \frac{3}{5} \right| = \frac{-3}{5}$ D. $-\left| \frac{-3}{5} \right| = \frac{3}{5}$

Câu 13: Cho hình vẽ sau, góc kề bù với $\widehat{aOc}$ là



- A. $\widehat{cOd}$ B. $\widehat{aOb}$ C. $\widehat{bOc}$ D. $\widehat{dOb}$

Câu 14: Cho hình vẽ bên, biết Oy là tia phân giác của $\widehat{xOz}$. Số đo $\widehat{yOz} = ?$



- A. 60° B. 120° C. 30° D. 90°

Câu 15: Cho ba đường thẳng phân biệt a, b, c biết $a \perp c$ và $c \perp b$. Kết luận nào đúng?

- A. $a \perp b$. B. $c \perp b$. C. $a \perp b$. D. $c \perp a$.

Câu 16: Qua một điểm M nằm ngoài đường thẳng a cho trước, có bao nhiêu đường thẳng song song với đường thẳng a ?

A. Vô số

B. Ba

C. Một

D. Hai

Câu 17: Kết quả của phép tính $2^2 \cdot 2^5$ là:

A. 2^{10} .

B. 2^3 .

C. 2^5 .

D. 2^7 .

Câu 18: Kết quả của phép tính $\frac{-3}{20} + \frac{-2}{15}$ là:

A. $\frac{-1}{35}$.

B. $\frac{-17}{60}$.

C. $\frac{-5}{35}$.

D. $\frac{-1}{60}$.

Câu 19: Kết quả của phép tính $4^3 : 4^2$ là:

A. 4^6

B. 4

C. 4^5

D. 16^6

Câu 20: Kết quả của phép tính $\left(\frac{3}{4} : \frac{3}{8}\right) \cdot \frac{(-2)}{5}$

A. $\frac{4}{5}$

B. $\frac{1}{5}$

C. $\frac{-1}{5}$

D. $\frac{-4}{5}$

Câu 21: Cho hai đường thẳng a và b cắt nhau và trong các góc tạo thành có một góc bằng thì hai đường thẳng a và b vuông góc với nhau. Chỗ còn thiếu trong dấu ... là:

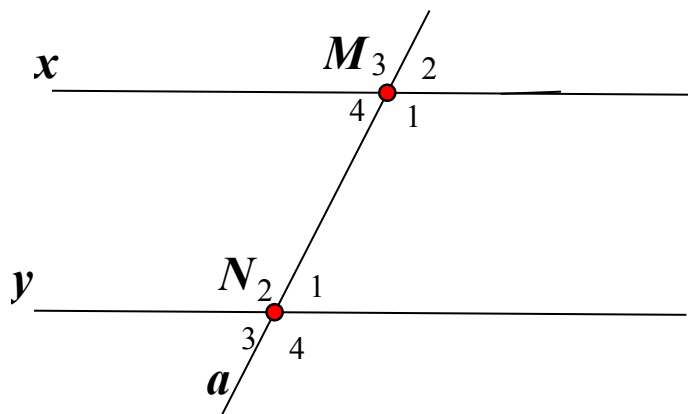
A. 80°

B. 90°

C. 100°

D. 180°

Câu 22: Cho hình vẽ biết $x \perp y$ thì



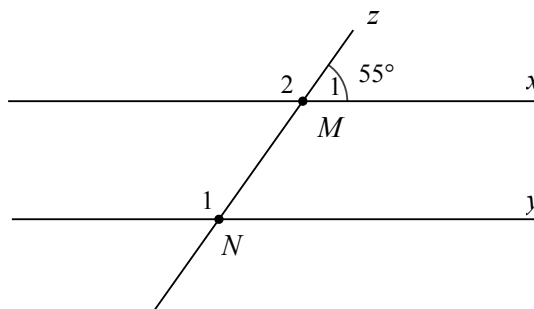
A. $\widehat{M}_1 = \widehat{N}_1$.

B. $\widehat{M}_3 = \widehat{N}_1$.

C. $\widehat{M}_4 = \widehat{N}_4$.

D. $\widehat{M}_4 = \widehat{N}_1$.

Câu 23 : Cho hình vẽ, biết $x \parallel y$ và $\widehat{M}_1 = 55^\circ$. Tính số đo góc N_1 .



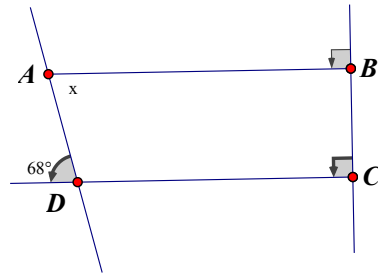
A. $\widehat{N}_1 = 35^\circ$

B. $\widehat{N}_1 = 55^\circ$

C. $\widehat{N}_1 = 65^\circ$.

D. $\widehat{N}_1 = 125^\circ$

Câu 24: Cho hình vẽ số đo góc x ở hình vẽ là:



A. 90^0

B. 68^0

C. 112^0

D. 80^0

Hết./.

Họ và tên:.....

<u>Điểm</u>	<u>Lời nhận xét của giáo viên</u>

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (6,0 điểm)

Khoanh tròn đáp án đúng trong các đáp án A. B. C. D. của các câu sau:

Câu 1: Hãy chọn câu đúng?

- A. $\frac{3}{2} \in \mathbb{Q}$ B. $\frac{5}{2} \in \mathbb{Z}$ C. $\frac{5}{7} \notin \mathbb{Q}$ D. $-7 \in \mathbb{N}$

Câu 2: Cách sắp xếp các số hữu tỉ theo thứ tự từ nhỏ đến lớn nào sau đây là đúng?

- A. $0; \frac{1}{2}; -0,5$ B. $-0,5; 0; \frac{1}{2}$ C. $-0,5; \frac{1}{2}; 0$ D. $0; -0,5; \frac{1}{2}$

Câu 3: Số nào dưới đây biểu diễn số thập phân vô hạn tuần hoàn?

- A. -1,45 B. 0,2356... C. 0 D. 0,(75)

Câu 4: Căn bậc hai số học của một số a không âm, kí hiệu $\sqrt{a}$ là số x không âm sao cho

- A. $x=a$ B. $x=2a$ C. $x^2=a$ D. $x=a^2$

Câu 5: Số $\sqrt{3}$ là

- A. Số tự nhiên B. Số nguyên C. Số hữu tỉ D. Số thực

Câu 6: Cách viết nào dưới đây là đúng?

- A. $\left| -\frac{3}{5} \right| = \frac{3}{5}$ B. $\left| \frac{-3}{5} \right| = \frac{-3}{5}$ C. $\left| \frac{3}{5} \right| = \frac{-3}{5}$ D. $\left| \frac{-3}{5} \right| = \frac{3}{5}$

Câu 7: Cho hình vẽ bên, biết Oy là tia phân giác của $\widehat{xOz}$. Số đo $\widehat{yOz} = ?$

A. 60°

B. 120°

C. 30^o

D. 90°

Câu 8: Qua một điểm M nằm ngoài đường thẳng a cho trước, có bao nhiêu đường thẳng song song với đường thẳng a?

A. Vô số

B. Ba

C. Một

D. Hai

Câu 9: Kết quả của phép tính $\frac{-3}{20} + \frac{-2}{15}$ là:

A. $\frac{-1}{35}$.

B. $\frac{-17}{60}$.

C. $\frac{-5}{35}$.

$$D. \frac{-1}{60}.$$

Câu 10: Kết quả của phép tính $\left(\frac{3}{4} : \frac{3}{8}\right) \cdot \frac{(-2)}{5}$

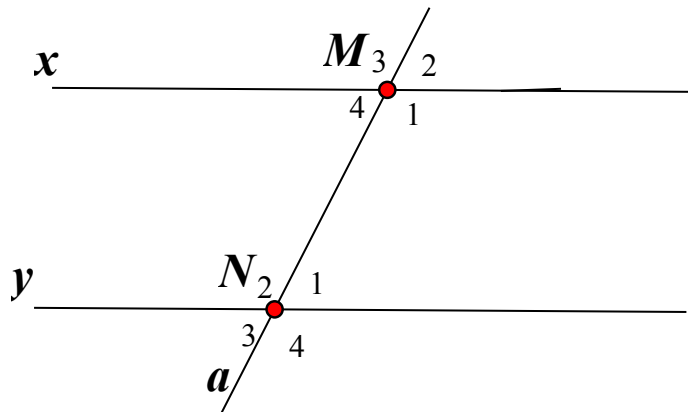
A. $\frac{4}{5}$

B. $\frac{1}{5}$

C. $-\frac{1}{5}$

D. $-\frac{4}{5}$

Câu 11: Cho hình vẽ biết $x/\hat{y}$ thì



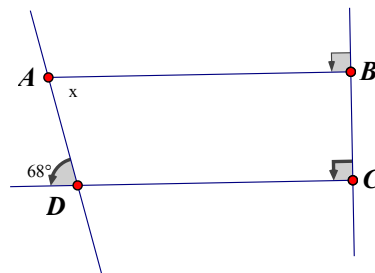
A. $\hat{M}_1 = \hat{N}_1$.

B. $\hat{M}_3 = \hat{N}_1$.

C. $\hat{M}_4 = \hat{N}_4$.

D. $\hat{M}_4 = \hat{N}_1$.

Câu 12: Cho hình vẽ số đo góc x ở hình vẽ là:



A. 90°

B. 68⁰

C. 112⁰

D. 80^0

Câu 13: Tập hợp số hữu tỉ được kí hiệu là

- A. $\mathbb{N}$ B. $\mathbb{N}^*$ C. $\mathbb{Z}$ D. $\mathbb{Q}$

Câu 14: Số đối của số $\frac{-4}{7}$ là

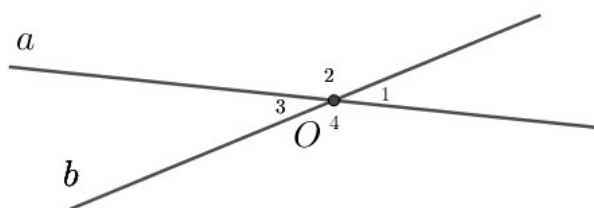
- A. $\frac{4}{-7}$ B. $\frac{4}{7}$ C. $\frac{-7}{4}$ D. $\frac{7}{4}$

Câu 15: Trong các số sau, số nào là số vô tỉ?

- A. $\frac{1}{4}$ B. $\sqrt{2}$ C. -7 D. $1,5$

Câu 16: Cho hình vẽ sau, hai góc đối đỉnh là

- A. $\widehat{O_1}$ và $\widehat{O_2}$
 B. $\widehat{O_1}$ và $\widehat{O_3}$
 C. $\widehat{O_1}$ và $\widehat{O_4}$
 D. $\widehat{O_3}$ và $\widehat{O_4}$



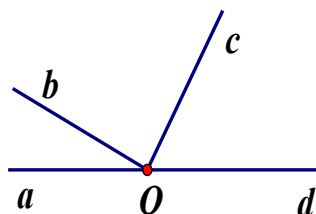
Câu 17: Căn bậc hai số học của 5 là

- A. 5. B. $\sqrt{5}$ C. $\sqrt{-5}$ D. -5

Câu 18: Căn bậc hai số học của 25 là

- A. 5 B. -5 C. -25 D. 25

Câu 19: Cho hình vẽ sau, góc kề bù với $\widehat{aOc}$ là



- A. $\widehat{cOd}$ B. $\widehat{aOb}$ C. $\widehat{bOc}$ D. $\widehat{dOb}$

Câu 20: Cho ba đường thẳng phân biệt a, b, c biết $a \perp c$ và $c \perp b$. Kết luận nào đúng?

- A. $a \perp b$. B. $c \perp b$. C. $a \perp b$. D. $c \perp a$.

Câu 21: Kết quả của phép tính $2^2 \cdot 2^5$ là:

- A. 2^{10} B. 2^3 . C. 2^5 . D. 2^7 .

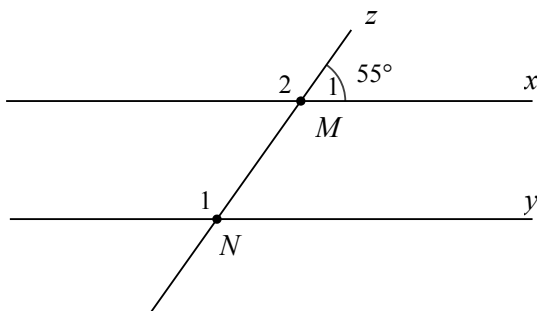
Câu 22: Kết quả của phép tính $4^3 : 4^2$ là:

- A. 4^6 B. 4 C. 4^5 D. 16^6

Câu 23: Cho hai đường thẳng a và b cắt nhau và trong các góc tạo thành có một góc bằng thì hai đường thẳng a và b vuông góc với nhau. Chỗ còn thiếu trong dấu ... là:

- A. 80^0 B. 90^0 C. 100^0 D. 180^0

Câu 24 : Cho hình vẽ, biết $x \parallel y$ và $\widehat{M_1} = 55^\circ$. Tính số đo góc N_1 .



A. $\widehat{N_1} = 35^\circ$

B. $\widehat{N_1} = 55^\circ$

C. $\widehat{N_1} = 65^\circ$

D. $\widehat{N_1} = 125^\circ$

Hết./.

ĐỀ CHÍNH THỨC

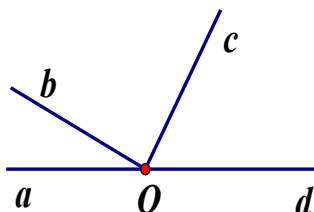
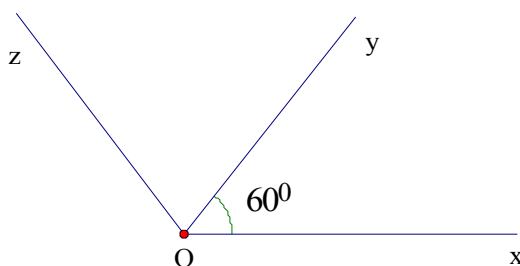
Môn: Toán

Lớp : 7

Thời gian: **54 phút** (Không kể thời gian phát đề)
(Đề thi gồm 24 câu, 04 trang)**Phiên bản 3**

Họ và tên:.....

<u>Điểm</u>	<u>Lời nhận xét của giáo viên</u>

II. PHẦN TRẮC NGHIỆM (6,0 điểm)**Khoanh tròn đáp án đúng trong các đáp án A, B, C, D của các câu sau:****Câu 1:** Cho hình vẽ sau, góc kề bù với $\widehat{aOc}$ làA. $\widehat{cOd}$ B. $\widehat{aOb}$ C. $\widehat{bOc}$ D. $\widehat{dOb}$ **Câu 2:** Cho hình vẽ bên, biết Oy là tia phân giác của $\widehat{xOz}$. Số đo $\widehat{yOz} = ?$ A. 60° B. 120° C. 30° D. 90° **Câu 3:** Cho ba đường thẳng phân biệt a, b, c biết $a \perp c$ và $c \perp b$. Kết luận nào đúng?A. $a \perp b$.B. $c \perp b$.C. $a \perp c$.D. $c \perp a$.**Câu 4:** Qua một điểm M nằm ngoài đường thẳng a cho trước, có bao nhiêu đường thẳng song song với đường thẳng a?

A. Vô số

B. Ba

C. Một

D. Hai

Câu 5: Kết quả của phép tính $2^2 \cdot 2^5$ là:A. 2^{10} .B. 2^3 .C. 2^5 .D. 2^7 .

Câu 6: Kết quả của phép tính $\frac{-3}{20} + \frac{-2}{15}$ là:

A. $\frac{-1}{35}$.

B. $\frac{-17}{60}$.

C. $\frac{-5}{35}$.

D. $\frac{-1}{60}$.

Câu 7: Kết quả của phép tính $4^3 : 4^2$ là:

A. 4^6

B. 4

C. 4^5

D. 16^6

Câu 8: Kết quả của phép tính $\left(\frac{3}{4} : \frac{3}{8}\right) \cdot \frac{(-2)}{5}$

A. $\frac{4}{5}$

B. $\frac{1}{5}$

C. $\frac{-1}{5}$

D. $\frac{-4}{5}$

Câu 9: Cho hai đường thẳng a và b cắt nhau và trong các góc tạo thành có một góc bằng thì hai đường thẳng a và b vuông góc với nhau. Chỗ còn thiếu trong dấu ... là:

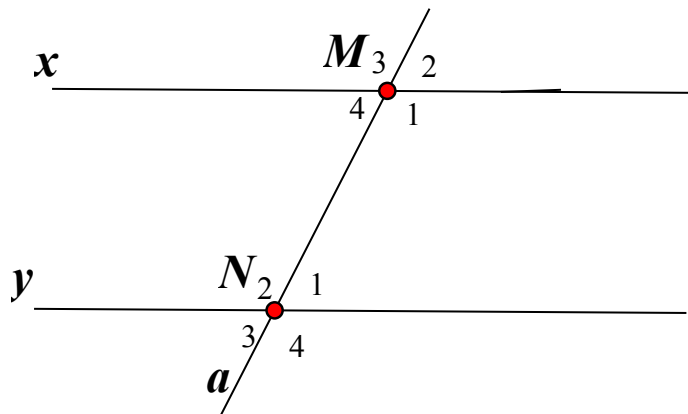
A. 80°

B. 90°

C. 100°

D. 180°

Câu 10: Cho hình vẽ biết $x \perp y$ thì



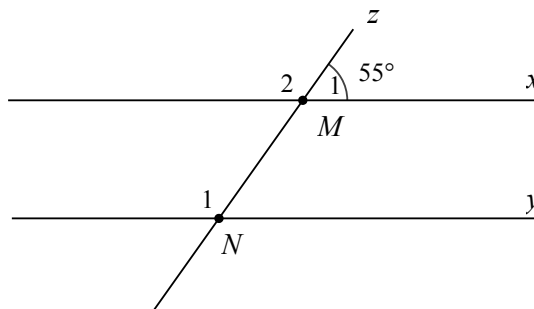
A. $\widehat{M}_1 = \widehat{N}_1$.

B. $\widehat{M}_3 = \widehat{N}_1$.

C. $\widehat{M}_4 = \widehat{N}_4$.

D. $\widehat{M}_4 = \widehat{N}_4$.

Câu 11: Cho hình vẽ, biết $x \parallel y$ và $\widehat{M}_1 = 55^\circ$. Tính số đo góc N_1 .



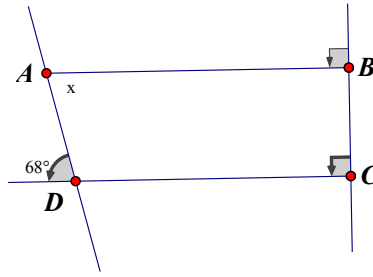
B. $\widehat{N}_1 = 35^\circ$

B. $\widehat{N}_1 = 55^\circ$

C. $\widehat{N}_1 = 65^\circ$.

D. $\widehat{N}_1 = 125^\circ$

Câu 12: Cho hình vẽ số đo góc x ở hình vẽ là:



- A. 90^0 B. 68^0 C. 112^0 D. 80^0

Câu 13: Tập hợp số hữu tỉ được kí hiệu là

- A. $\mathcal{N}$ B. $\mathcal{N}^*$ C. $\mathcal{Z}$ D. $\mathcal{Q}$

Câu 14: Hãy chọn câu đúng?

- A. $\frac{3}{2} \in \mathcal{Q}$ B. $\frac{5}{2} \in \mathcal{Z}$ C. $\frac{5}{7} \notin \mathcal{Q}$ D. $-7 \in \mathcal{N}$

Câu 15: Số đối của số $\frac{-4}{7}$ là

- A. $\frac{4}{-7}$ B. $\frac{4}{7}$ C. $\frac{-7}{4}$ D. $\frac{7}{4}$

Câu 16: Cách sắp xếp các số hữu tỉ theo thứ tự từ nhỏ đến lớn nào sau đây là đúng?

- A. $0; \frac{1}{2}; -0,5$ B. $-0,5; 0; \frac{1}{2}$ C. $-0,5; \frac{1}{2}; 0$ D. $0; -0,5; \frac{1}{2}$

Câu 17: Trong các số sau, số nào là số vô tỉ?

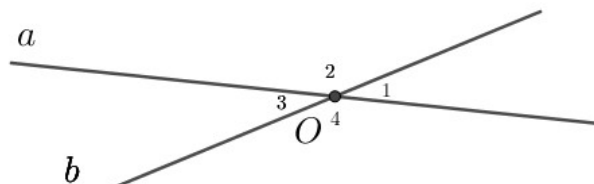
- A. $\frac{1}{4}$ B. $\sqrt{2}$ C. -7 D. $1,5$

Câu 18: Số nào dưới đây biểu diễn số thập phân vô hạn tuần hoàn?

- A. $-1,45$ B. $0,2356\dots$ C. 0 D. $0,(75)$

Câu 19: Cho hình vẽ sau, hai góc đối đỉnh là

- A. $\widehat{O_1}$ và $\widehat{O_2}$ B. $\widehat{O_1}$ và $\widehat{O_3}$ C. $\widehat{O_1}$ và $\widehat{O_4}$ D. $\widehat{O_3}$ và $\widehat{O_4}$



Câu 20: Căn bậc hai số học của một số a không âm, kí hiệu $\sqrt{a}$ là số x không âm sao cho

- A. $x=a$ B. $x=2a$ C. $x^2=a$ D. $x=a^2$

Câu 21: Căn bậc hai số học của 5 là

- A. 5 B. $\sqrt{5}$ C. $\sqrt{-5}$ D. -5

Câu 22: Số $\sqrt{3}$ là

- A. Số tự nhiên B. Số nguyên C. Số hữu tỉ D. Số thực

Câu 23: Căn bậc hai số học của 25 là

- A. 5 B. -5 C. ± 5 D. 25

Câu 24: Cách viết nào dưới đây là đúng?

- A. $\left| -\frac{3}{5} \right| = \frac{3}{5}$ B. $\left| \frac{-3}{5} \right| = \frac{-3}{5}$ C. $\left| \frac{3}{5} \right| = \frac{-3}{5}$ D. $-\left| \frac{-3}{5} \right| = \frac{3}{5}$

Hết./.

TRƯỜNG
TỔ TỰ NHIÊN

ĐỀ CHÍNH THỨC

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2024 - 2025

Môn: Toán

Lớp : 7

Thời gian: 54 phút (Không kể thời gian phát đề)
(Đề thi gồm 24 câu, 04 trang)

Phiên bản 4

Họ và tên:.....

<u>Điểm</u>	<u>Lời nhận xét của giáo viên</u>

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (6,0 điểm)

Khoanh tròn đáp án đúng trong các đáp án A, B, C, D của các câu sau:

Câu 1: Tập hợp số hữu tỉ được kí hiệu là

- A. $\mathbb{N}$ B. $\mathbb{N}^*$ C. $\mathbb{Z}$ D. $\mathbb{Q}$

Câu 2: Số đối của số $-\frac{4}{7}$ là

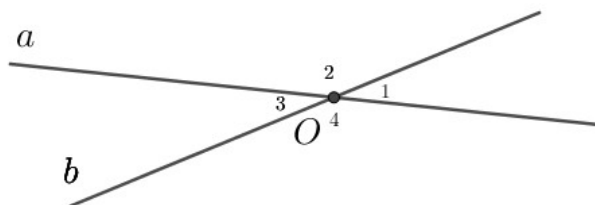
- A. $\frac{4}{-7}$ B. $\frac{4}{7}$ C. $-\frac{7}{4}$ D. $\frac{7}{4}$

Câu 3: Trong các số sau, số nào là số vô tỉ?

- A. $\frac{1}{4}$ B. $\sqrt{2}$ C. -7 D. 1,5

Câu 4: Cho hình vẽ sau, hai góc đối đỉnh là

- A. $\widehat{O_1}$ và $\widehat{O_2}$
B. $\widehat{O_1}$ và $\widehat{O_3}$
C. $\widehat{O_1}$ và $\widehat{O_4}$
D. $\widehat{O_3}$ và $\widehat{O_4}$



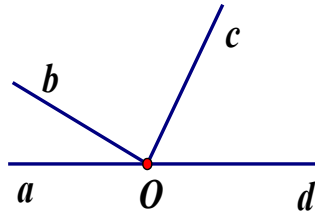
Câu 5: Căn bậc hai số học của 5 là

- A. 5. B. $\sqrt{5}$ C. $\sqrt{-5}$ D. -5

Câu 6: Căn bậc hai số học của 25 là

- A. 5 B. -5 C. -25 D. 25

Câu 7: Cho hình vẽ sau, góc kề bù với $\widehat{aOc}$ là



A. $\widehat{cOd}$

B. $\widehat{aOb}$

C. $\widehat{bOc}$

D. $\widehat{dOb}$

Câu 8: Cho ba đường thẳng phân biệt a, b, c biết $a \perp c$ và $c \perp b$. Kết luận nào đúng?

A. $a \perp b$.

B. $c \perp b$.

C. $a \perp b$.

D. $c \perp a$.

Câu 9: Kết quả của phép tính $2^2 \cdot 2^5$ là:

A. 2^{10}

B. 2^3 .

C. 2^5 .

D. 2^7 .

Câu 10: Kết quả của phép tính $4^3 : 4^2$ là:

A. 4^6

B. 4

C. 4^5

D. 16^6

Câu 11: Cho hai đường thẳng a và b cắt nhau và trong các góc tạo thành có một góc bằng thì hai đường thẳng a và b vuông góc với nhau. Chỗ còn thiếu trong dấu ... là:

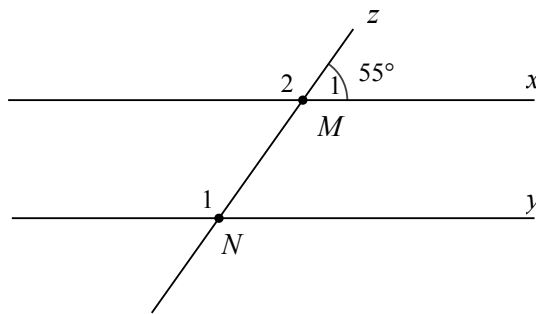
A. 80°

B. 90°

C. 100°

D. 180°

Câu 12 : Cho hình vẽ, biết $x \parallel y$ và $\widehat{M_1} = 55^\circ$. Tính số đo góc N_1 .



A. $\widehat{N_1} = 35^\circ$

B. $\widehat{N_1} = 55^\circ$.

C. $\widehat{N_1} = 65^\circ$.

D. $\widehat{N_1} = 125^\circ$.

Câu 13: Hãy chọn câu đúng?

A. $\frac{3}{2} \in \mathbb{Q}$

B. $\frac{5}{2} \in \mathbb{Z}$

C. $\frac{5}{7} \notin \mathbb{Q}$

D. $-7 \in \mathbb{N}$

Câu 14: Cách sắp xếp các số hữu tỉ theo thứ tự từ nhỏ đến lớn nào sau đây là đúng?

A. $0; \frac{1}{2}; -0,5$

B. $-0,5; 0; \frac{1}{2}$

C. $-0,5; \frac{1}{2}; 0$

D. $0; -0,5; \frac{1}{2}$

Câu 15: Số nào dưới đây biểu diễn số thập phân vô hạn tuần hoàn?

A. -1,45

B. 0,2356...

C. 0

D. 0,(75)

Câu 16: Căn bậc hai số học của một số a không âm, kí hiệu $\sqrt{a}$ là số x không âm sao cho

A. $x=a$

B. $x=2a$

C. $x^2=a$

D. $x=a^2$

Câu 17: Số $\sqrt{3}$ là

A. Số tự nhiên

B. Số nguyên

C. Số hữu tỉ

D. Số thực

Câu 18: Cách viết nào dưới đây là đúng?

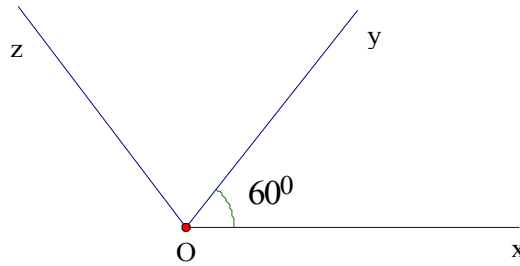
A. $\left| -\frac{3}{5} \right| = \frac{3}{5}$

B. $\left| \frac{-3}{5} \right| = \frac{-3}{5}$

C. $\left| \frac{3}{5} \right| = \frac{-3}{5}$

D. $\left| \frac{-3}{5} \right| = \frac{3}{5}$

Câu 19: Cho hình vẽ bên, biết Oy là tia phân giác của $\widehat{xOz}$. Số đo $\widehat{yOz} = ?$



A. 60°

B. 120°

C. 30°

D. 90°

Câu 20: Qua một điểm M nằm ngoài đường thẳng a cho trước, **có bao nhiêu** đường thẳng song song với đường thẳng a?

A. Vô số

B. Ba

C. Một

D. Hai

Câu 21: Kết quả của phép tính $\frac{-3}{20} + \frac{-2}{15}$ là:

A. $\frac{-1}{35}$

B. $\frac{-17}{60}$

C. $\frac{-5}{35}$

D. $\frac{-1}{60}$

Câu 22: Kết quả của phép tính $\left(\frac{3}{4} : \frac{3}{8} \right) \cdot \frac{(-2)}{5}$

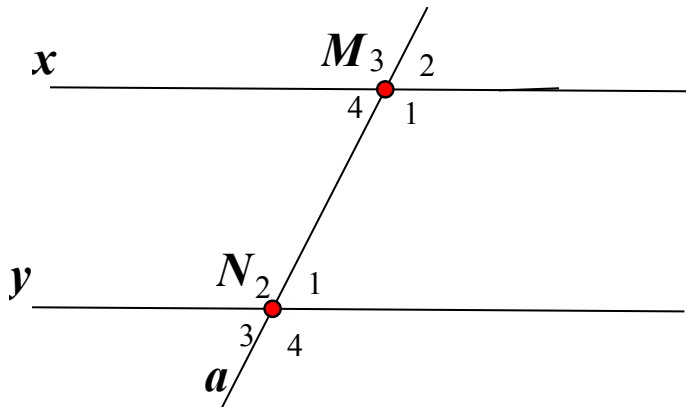
A. $\frac{4}{5}$

B. $\frac{1}{5}$

C. $\frac{-1}{5}$

D. $\frac{-4}{5}$

Câu 23: Cho hình vẽ biết $x \parallel y$ thì



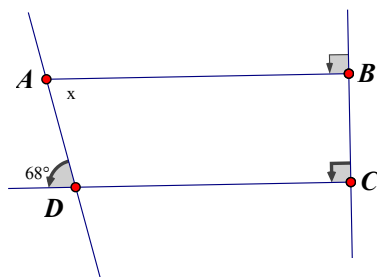
A. $\widehat{M}_1 = \widehat{N}_1$

B. $\widehat{M}_3 = \widehat{N}_1$

C. $\widehat{M}_4 = \widehat{N}_4$

D. $\widehat{M}_4 = \widehat{N}_1$

Câu 24: Cho hình vẽ số đo góc x ở hình vẽ là:



A. 90°

B. 68°

C. 112°

D. 80°

Hết./.

ĐỀ CHÍNH THỨC

Môn: Toán

Lớp : 7

Thời gian: 36 phút (Không kể thời gian phát đề)
(Đề thi gồm 04 câu, 01 trang)

II. PHẦN TỰ LUẬN.

Câu 25: (1,5 điểm).

1. Viết các tích sau về dạng một lũy thừa:

a) $8.8.8.8.8 =$

b) $7^6 : 7^3$

2. Tính theo cách hợp lý: $2021.2022 + 2021.(-2022)$

Câu 26: (1,0 điểm). Cho $\widehat{mOn} = 60^\circ$, vẽ tia phân giác Ot của $\widehat{mOn}$. Tính $\widehat{mOt}$.

Câu 27: (0,5 điểm). Tính:

a) $\sqrt{64} =$;

b) $\sqrt{2025^2} =$

Câu 28: (1,0 điểm). Để nâng cao chất lượng tiêu thụ sản phẩm, một cửa hàng đã ra chương trình khuyến mãi khách hàng. Giá ban đầu một hộp trà sâm dây là 40 000 đồng/1 hộp, trà sâm Ngọc Linh là 100 000 đồng/1 hộp. Do có chương trình khuyến mãi nên mỗi sản phẩm giảm giá 30%. Tính số tiền khách phải trả biết, khách mua hết 13 hộp sâm dây và 22 hộp sâm Ngọc Linh.

Hết./.

TRƯỜNG
TỔ TỰ NHIÊN

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2024- 2025

Môn: Toán

Lớp : 7

A. HƯỚNG DẪN CHUNG:

- HS giải cách khác nhau nhưng kết quả đúng vẫn cho điểm tối đa theo biểu điểm.
- Điểm chấm từng phần được chia nhỏ nhất đến 0,25 điểm.
- Điểm toàn bài là tổng điểm của từng phần và được làm tròn như sau:

2,75 điểm thành 2,8 điểm

5,25 điểm thành 5,3 điểm.

B. ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM:

I. Phần trắc nghiệm: (6 điểm)

Phiên bản 1

Mỗi câu đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ.án	D	A	B	B	B	D	B	C	B	D	A	A
Câu	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
Đ.án	A	A	C	C	D	B	B	D	B	D	D	B

Phiên bản 2

Mỗi câu đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ.án	B	B	D	C	D	A	A	C	B	D	D	B
Câu	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
Đ.án	D	B	B	B	A	A	A	C	D	B	B	D

Phiên bản 3

Mỗi câu đúng được 0,25 điểm.

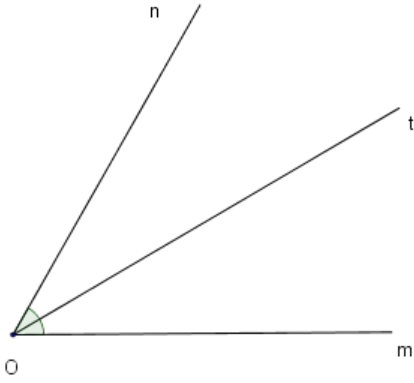
Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ.án	A	A	C	C	D	B	B	D	B	D	D	B
Câu	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
Đ.án	D	A	B	B	B	D	B	C	B	D	A	A

Phiên bản 4

Mỗi câu đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ.án	D	B	B	B	B	A	A	C	D	B	B	D
Câu	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
Đ.án	A	B	D	C	D	A	A	C	B	D	D	B

II. Phần tự luận: (4,0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
25 (1,5 đ)	a) $8.8.8.8.8 = 8^5$	0,5
	b) $7^6 : 7^3 = 7^3$	0,5
	c) $2021.2022 + 2021.(-2022)$ $= 2021(2022 + (-2022))$ $= 2021.0 = 0$	0,25
		0,25
26 (1,0 đ)	 Vì Ot là tia phân giác của $\widehat{mOn}$ nên $\widehat{mOt} = \frac{\widehat{mOn}}{2} = \frac{60^0}{2} = 30^0$	0,5
27 (0,5 đ)	a) $\sqrt{64} = 8$	0,25
	b) $\sqrt{2025^2} = 2025$	0,25
28 (1,0 đ)	Số tiền khách phải trả khi chưa được giảm giá là: $13.40\ 000 + 22.100\ 000 = 2\ 720\ 000$ (đồng)	0,5
	Số tiền khách được giảm giá là: $2\ 720\ 000 \cdot 30\% = 816\ 000$ (đồng)	0,25
	Số tiền khách phải trả sau khi được giảm giá là:	0,25
	$2\ 720\ 000 - 816\ 000 = 1\ 904\ 000$ (đồng)	